TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI LĂNG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày 17/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Quốc.
- Ông Thái Văn Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2024/TLST-HS ngày 29/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 02/01/2025 đối với các bị cáo:

Triệu Văn N, sinh ngày 09/10/1985 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Quang H (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; có vợ là Lý Thị Q, sinh năm 1989; có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 12/3/2023, bị Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 17/QĐ-XPHC bằng hình thức phạt tiền, với số tiền phạt là 350.000 đồng về hành vi "Đánh bạc trái phép" *(Bị cáo vẫn chưa chấp hành Quyết định xử phạt hành chính).*

Nhân thân:

+ Ngày 20/7/2017 bị Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 217/QĐ-XPVPHC bằng hình thức phạt tiền, với số tiền phạt là 275.000 đồng về hành vi "Đánh bạc trái phép" *(Bị cáo đã chấp hành xong quyết định định xử phạt vào ngày 26/02/2018)*.

+ Ngày 19/7/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 05 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/01/2024 theo Bản án số 43/2024/HS-ST.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam N3; có mặt.

Trần Văn D, sinh ngày 25/10/1991 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1, sinh năm 1964 và bà Hoàng Thị Q1, sinh năm 1966; có vợ là Nguyễn Thị Thùy L1, sinh năm 1997; có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/7/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 04 năm 03 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/01/2024 theo Bản án số 43/2024/HS-ST.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam N3; có mặt.

Lương Việt D1, sinh ngày 14/12/1991 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Q2 (đã chết) và bà Triệu Thị M, sinh năm 1965;

Tiền án: Ngày 31/3/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại Bản án số 26/2022/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 13/01/2023.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 09/7/2018, bị Công an phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 28/QĐ-XPVPHC bằng hình thức phạt tiền, với mức tiền phạt là 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Đã chấp hành xong quyết định xử phạt vào ngày 17/7/2018).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 28/6/2024 cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Bà Trần Thị H2, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Hoàng Thị Q1, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

- Bà Lương Thị L2, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Bà Triệu Thị N1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

- Người làm chứng:

- Bà Lương Thị Ngọc C, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số A T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- Ông Trần Văn C1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- Bà Hoàng Thị H3 (tên gọi khác: B), sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Ông Trần Văn H4, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn P, xã B, H, Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H); vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hữu Đ (tên gọi khác: X), sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn S, xã P, P, Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H); có mặt.

- Ông Bùi Quang T1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

- Ông Lý Văn T2, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

- Bà Lý Thị Q, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, ngày 12/9/2023, Triệu Văn N gọi điện thoại cho Trần Văn D hẹn đến nhà N tại tỉnh Tuyên Quang để bàn bạc về việc thực hiện hành vi lừa đảo nhằm kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Qua nói chuyện, N nói với D có quen biết với bà Lương Thị Ngọc C ở tỉnh Thừa Thiên Huế, là người môi giới xe vận chuyển. N và D thống nhất sẽ cùng vào thành phố Đà Nẵng, sau đó liên hệ với bà C để môi giới hàng hóa cần vận chuyển rồi chiếm đoạt số hàng hóa này bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, D rủ thêm Lương Việt D1 cùng hiện hành vi lừa đảo thì được D1 đồng ý.

Ngày 14/9/2023, D mượn xe ô tô biển kiểm soát 22C-079.23 (của anh ruột D là Trần Văn C1) với lý do để đi chơi thì được anh C1 đồng ý. Đến chiều cùng ngày, N và D1 thay nhau điều khiển xe ô tô trên chở theo D đi từ tỉnh Tuyên Quang vào thành phố Đà Nẵng.

Ngày 15/9/2023, bà Trần Thị H2 ở tỉnh Thừa Thiên Huế gọi điện thoại cho bà Lương Thị Ngọc C để nhờ môi giới xe vận chuyển số thóc mà bà H2 đã mua của bà Hoàng Thị H3 ở thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị từ kho thóc của bà H3 tại Hợp tác xã thuộc thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị ra tỉnh Thái Bình giao cho bà Hoàng Thị Mỹ H5. Đến tối cùng ngày, D1, D và N vào đến thành phố Đà Nẵng. Tại đây, N bảo với D có máy điện thoại nào sử dụng thẻ sim không chính chủ hay không thì đưa cho D1 để gọi cho người môi giới xe vận chuyển. Lúc này, D đưa 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, bên trong có gắn 01 thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0396928265 của Du cho D1. N dùng máy điện thoại mà D đưa cho D1, để tạo và đăng ký tài khoản zalo có tên "Nguyễn H6" (sử dụng số điện thoại đăng ký là 0396928265). Tiếp đó, N bảo với D1 là dùng máy điện thoại này để liên hệ đến số thuê bao 0903580473 của bà C xem có hàng hóa gì cần vận chuyển hay không. Theo sự hướng dẫn của N, D1

giới thiệu với bà C rằng D1 là tài xế lái xe tải và hỏi bà C có ai có hàng hóa gì cần chở ra Bắc hay không thì môi giới cho D1. Bà C trả lời là có thóc ở tỉnh Quảng Trị cần chở ra tỉnh Thái Bình và hỏi D1 có nhận chở hay không thì D1 đồng ý.

Sau đó, bà C cho D1 số điện thoại 0975069095 và giới thiệu đây là số điện thoại của bà Trần Thị H2 là chủ của số thóc cần chở ra tỉnh Thái Bình. Tiếp đó, D1 dùng máy điện thoại của D đưa để gọi đến số thuê bao 0975069095 của bà H2, qua trao đổi, bà H2 đồng ý để D1 vận chuyển thóc, đồng thời bà H2 sử dụng tài khoản zalo có tên "Trần Thị H2" (sử dụng số điện thoại đăng ký là 0975069095) kết bạn với tài khoản zalo có tên "Nguyễn H6" (sử dụng số điện thoại đăng ký là 0396928265) và gửi định vị vị trí của bà H2 qua tài khoản zalo cho D1.

Du, D1 và N bàn bạc kế hoạch để chiếm đoạt thóc của bà H2, qua bàn bạc cả 03 thống nhất phân công D1 là người trực tiếp đi cùng với tài xế lái xe vận chuyển đến kho thóc để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số thóc trên, bằng phương thức, thủ đoạn như sau: Đối với tài xế lái xe vận chuyển thì D1 sẽ nhận mình là chủ thóc, còn đối với chủ thóc thì D1 sẽ nhận mình là tài xế lái xe vận chuyển, đồng thời, sau khi đưa thóc lên xe, D1 sẽ đi cùng xe ra đến cơ sở thu mua nông sản ở huyện S, thành phố Hà Nội mà N đã liên hệ được để tiêu thụ. Riêng D và N có nhiệm vụ sẽ liên hệ cho D1 qua điện thoại để hướng dẫn D1 cách thức thực hiện việc chiếm đoạt số thóc trên. D1, D và N cùng thống nhất sau khi chiếm đoạt được số thóc trên sẽ chia đều số tiền kiếm được từ việc bán thóc cho cả 03 người. Cũng trong tối cùng ngày, N dùng máy điện thoại mà D đưa cho D1, sử dụng tài khoản zalo có tên "Nguyễn H6" trên máy điện thoại này để nhắn tin trên các hội nhóm zalo, trong đó có nhóm "Hàng tìm xe. Xe tìm hàng ghép 63 tỉnh thành" với nội dung cần thuê xe vận chuyển thóc từ tỉnh Quảng Trị đi thành phố Hà Nội, đồng thời trong nội dung tin nhắn có ghi số điện thoại 0396928265 để liên hệ.

Đến sáng ngày 16/9/2023, N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 22C-079.23 để chở D1 và D ra đến huyện H, tỉnh Quảng Trị tìm vị trí theo định vị mà bà H2 gửi nhưng không tìm được. Cũng trong sáng cùng ngày, Trần Văn H4 ở tỉnh Thừa Thiên Huế là tài xế lái xe ô tô tải biển kiểm soát 75H-017.42 thấy tin nhắn của tài khoản zalo có tên "Nguyễn Hiếu" trên nhóm zalo "Hàng tìm xe. Xe tìm hàng ghép 63 tỉnh thành" mà tài khoản zalo của H4 cũng là thành viên. Do có nhu cầu nhận vận chuyển hàng nên vào lúc 05 giờ 47 phút cùng ngày, H4 sử dụng số điện thoại 0975077969 của H4 gọi điện thoại đến số 0396928265 nhưng không liên lạc được. Đến 12 giờ 16 phút cùng ngày, H4 gọi lại thì D1 nghe máy và giới thiệu mình tên là "H6" và có nhu cầu vận chuyển thóc từ tỉnh Quảng Trị đi huyện S, thành phố Hà Nội. Qua nói chuyện, H4 đồng ý nhận vận chuyển thóc và sử dụng tài khoản zalo của H4 có tên "VĂN HẢI" kết bạn với tài khoản zalo có tên "Nguyễn H6". Đến 12 giờ 23 phút cùng ngày, H4 nhắn tin qua tài khoản zalo để hỏi địa chỉ bốc, trả hàng, sau đó D1 yêu cầu H4 gửi ảnh chụp Căn cước công dân và Giấy đăng ký xe ô tô của H4 qua zalo cho D1. Tiếp đó, N chở D1 và D đến một quán cafe trên đường Q (cạnh nhà hàng H7) đoạn đi qua thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị để D1 xuống xe và ngồi một mình tại quán đợi xe của H4 đến đón, còn N điều

khiển xe chở D ra đến thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị uống nước và đợi D1 khi nào bốc hàng xong thì D1 sẽ liên hệ cho N và D để chạy ra Bắc trước. D1 gửi vị trí tại quán cà phê trên để H4 đón D1 đến chỗ bốc hàng. Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, H4 gọi điện thoại cho bạn của H4 là Nguyễn Hữu Đ ở huyện H, tỉnh Quảng Trị để cùng đi bốc hàng với H4 thì Đ đồng ý. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H4 điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 75H-017.42 chạy từ tỉnh Thừa Thiên Huế theo đường Q ra đến địa phận thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, H4 đón Đ rồi điều khiển xe chạy đến ngã ba M thuộc thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị gặp và đón D1. Theo sự chỉ dẫn của bà H2, D1, H4 và Đ đến Cửa hàng X1 thuộc xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế thì được chị Nguyễn Thị T (con bà H2) đi xe mô tô đến đón rồi dẫn đường cho xe đến kho thóc của chị Hoàng Thị H3 ở thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Sau đo chị T rời đi, chị H3 cân thóc, ghi chép khối lượng từng bao thóc vào sổ trước khi cho những người bốc vác đưa thóc lên xe tải của H4.

Trong thời gian chờ đưa thóc lên xe, D1 yêu cầu H4 lấy Căn cước công dân và S đăng kiểm xe ô tô để làm hợp đồng thì H4 đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bà T quay lại kho thóc để làm hợp đồng vận chuyển số thóc trên. D1 lấy Căn cước công dân và S đăng kiểm xe ô tô của H4 đến đưa cho bà T để ghi thông tin vào hợp đồng. Sau khi hợp đồng lập xong thì D1 ký tên vào hợp đồng (D1 ký tên bằng cách ghi chữ "H4" và ghi rõ họ tên bên dưới chữ ký là "Trần Văn H4"), đồng thời D1 ghi số điện thoại 0396928265 bên dưới chữ ký. Sau khi làm hợp đồng với bà T xong, D1 trả lại Căn cước công dân và Sổ đăng kiểm xe ô tô trên cho H4, H4 hỏi D1 về hợp đồng vận chuyển giữa H4 và D1, D1 trả lời với H4 rằng D1 đã mua số thóc này để chở ra nhà D1 nên H4 tin tưởng và không thắc mắc gì thêm.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi đã đưa hết thóc lên xe, D1 liên hệ và báo cho N và D biết đã bốc thóc lên xe xong, thì N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát: 22C-079.23 chở D ra B. Còn H4 điều khiển xe chở theo D1 và Đ đi đến Cửa hàng X2 để Đ xuống xe, rồi điều khiển xe chở D1 chạy trên Quốc lộ A theo hướng N - B. Trong suốt quá trình đi thì D1, D và N thường xuyên liên hệ với nhau để trao đổi thông tin. Khi xe chở thóc ra đến tỉnh Ninh Bình, N liên hệ với cơ sở thu mua nông sản ở huyện S, thành phố Hà Nội thì biết được đường đi vào kho có đám tang nên xe không đi vào được. Sau đó, N liên hệ với D1 và nói D1 hướng dẫn cho tài xế vận chuyển thóc đến đường H - Đ thuộc huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc để sang thóc qua xe khác. Theo sự chỉ dẫn của N, D1 chỉ đường cho H4 chạy đến đường H - Đ, thuộc huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Tiếp đó, N lên mạng và tìm số điện thoại tài xế lái xe ô tô vận chuyển hàng hóa để sang xe và tìm được 01 số điện thoại của tài xế lái xe vận chuyển, nhưng người này báo bận và cho N số điện thoại 0965957666 của anh Bùi Quang T1 ở huyện S, tỉnh Tuyên Quang là tài xế lái xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 22H-001.12. Sau đó, N liên hệ với ông T1, thông qua trao đổi ông T1 đồng ý nhận vận chuyển thóc. Đồng thời, N cũng liên hệ cho đội bốc vác để đến bốc vác thóc từ xe ô tô tải biển kiểm soát 75H-017.42 do H4 điều khiển sang xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 22H-001.12 của anh T1. Sau đó, N gọi điện thoại cho ông Lý Văn T2 ở huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là

anh ruột của vợ N xin để nhờ thóc và được ông T2 đồng ý. Cùng với đó, N gọi điện thoại cho vợ mình là chị Lý Thị Q ở huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và bảo chị Q tối cùng ngày đến tại nhà máy X3 thuộc thành phố T, tỉnh Tuyên Quang để đón xe chở thóc đến nhà ông T2.

Đến khoảng 18 giờ ngày 17/9/2023, H4 điều khiển xe đến đường H - Đ, thuộc huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc và dừng xe để đợi xe khác đến sang hàng. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 22H-001.12 của anh T1 và một nhóm người bốc vác khoảng 04 người đàn ông đi xe ô tô đến đường H - Đ để sang hàng. Lúc này, D và N đi xe ô tô biển kiểm soát 22C-079.23 đến địa điểm sang hàng, nhưng đỗ xe cách vị trí sang hàng khoảng 01km đến 02km, N bảo với D cùng góp tiền để đưa cho D1 trả tiền vận chuyển, môi giới và bốc vác. Sau đó D và N góp tiền với nhau tổng cộng số tiền khoảng 20.000.000 đồng, trong đó mỗi người góp một nửa, rồi D xuống xe đi đến đưa số tiền trên cho D1. Sau đó, D1 lên cabin xe của H4 và trả công cho H4 số tiền 17.500.000 đồng và đến gặp những người bốc vác để trả tiền công bốc vác khoảng 2.000.000 đồng. Đồng thời, D1 nhờ H4 chuyển khoản số tiền 400.000 đồng đến tài khoản của bà C để trả tiền môi giới. Sau khi sang hàng xong D1 xuống xe, còn H4 quay vào lại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi H4 điều khiển xe rời đi, D và N đến đón D1 rồi đến chỗ xe ô tô đầu kéo, N nói với anh T1 chở số thóc trên đến nhà máy X3. Tiếp đó, N bảo với D1 và D rằng bây giờ sẽ đưa số thóc chiếm đoạt được xuống sân nhà ông Lý Văn T2 để cất giấu và sau đó sẽ mang đi bán sau. N điều khiển xe ô tô chở D1 và D chạy theo sau xe ô tô của anh T1. Khi xe ô tô anh T1 đến nhà máy X3, bà Lý Thị Q đón và dẫn xe đến sân nhà ông T2. N liên hệ cho khoảng 04 đến 05 người bốc vác để đưa thóc xuống sân nhà ông T2. N đưa tiền cho chị Q để trả cho những người bốc vác và tiền công cho ông T1. Sau khi bốc toàn bộ số thóc xuống sân, D1, N và D đi xe ô tô lên thành phố T, tỉnh Tuyên Quang để ăn tối. Sau đó D1 về nhà D để nghỉ lại còn N về nhà của mình.

Đến chiều ngày 18/9/2023, N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 22C-079.23 đến nhà D và đón D1 cùng với D đến chỗ để thóc tại xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang để lấy một ít thóc mang đi hỏi giá tại các cơ sở thu mua nông sản và biết được 01kg thóc có giá khoảng 8.000 đồng đến 8.500 đồng. Từ ngày 19/9/2023, N và D lên mạng internet và vào các hội nhóm mạng xã hội để tìm các cơ sở thu mua nông sản có nhu cầu mua thóc. Sau đó, D và D1 và N chia nhỏ số thóc đã chiếm đoạt trên và thuê xe ô tô tải chở thóc đến các cơ sở thu mua nông sản đã tìm được để bán, mỗi chuyến khoảng 02 đến 03 tấn thóc. Đến ngày 24/9/2023, D1, D và N đã bán hết số thóc chiếm đoạt được sau khi trừ đi các chi phí, D1, D và N chia số tiền bán thóc cho cả 03 người, tuy nhiên do bán nhiều lần nên các bị can không nhớ chính xác số tiền bao nhiêu. Hiện nay, số tiền bán thóc D1, N và D đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HDĐGTS ngày 09/11/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận định giá trị 28,685 tấn thóc khô tại thời điểm ngày 16/9/2023 là 276.810.250 đồng.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSHL ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng đã truy tố các bị cáo Triệu Văn N, Trần Văn D, Lương Việt D1 về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Lương Việt D1 áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Triệu Văn N, Trần Văn D áp dụng thêm khoản 1 Điều 56; Điều 55 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Triệu Văn N từ 05 năm 09 tháng đến 06 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 05 năm tù tại bản án số 43/2024/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, để buộc bị cáo Triệu Văn N phải chấp hành hình phạt chung.

- Bị cáo Trần Văn D từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 04 năm 03 tháng tù tại bản án số 43/2024/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, để buộc bị cáo Trần Văn D phải chấp hành hình phạt chung.

- Bị cáo Lương Việt D1 từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại: Các bị cáo Triệu Văn N, Trần Văn D, Lương Việt D1 phải bồi thường cho bị hại bà Trần Thị H2 tổng số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 100.000.000 đồng. Bị cáo Lương Việt D1 đã bồi thường xong 100.000.000 đồng. Bị cáo Triệu Văn N đã bồi thường 20.000.000 đồng, bị cáo Triệu Văn N còn phải bồi thường cho bị hại Trần Thị H2 số tiền 80.000.000 đồng. Bị cáo Trần Văn D đã bồi thường 40.000.000 đồng, bị cáo Trần Văn D còn phải bồi thường cho bị hại Trần Thị H2 số tiền 60.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Ngày 16/9/2023, tại kho thóc của chị Hoàng Thị H3 ở Hợp tác xã thuộc thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Bằng thủ đoạn gian dối, tự nhận mình là chủ hàng cần thuê phương tiện vận chuyển và cũng tự nhận mình có phương tiện vận chuyển để vận chuyển thuê hàng hóa, tạo lòng tin cho chủ sở hữu tài sản là những người vận chuyển, thu mua thóc, các bị cáo Triệu Văn N và Trần Văn D cùng với Lương Việt D1 đã có hành vi chiếm đoạt 28,685 tấn thóc của bà Trần Thị H2 với trị giá là 276.810.250 đồng đem đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Triệu Văn N, Trần Văn D và Lương Việt D1 đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội thuộc tội phạm rất nghiêm trọng. Hành vi lợi dụng lòng tin của người khác để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, cần phải xử lý nghiêm minh để trừng trị, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò, tính chất đồng phạm của các bị cáo thấy rằng:

Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, trong vụ này bị cáo Triệu Văn Nghĩa là người chủ mưu, khởi xướng, chỉ huy việc thực hiện tội phạm. Bị cáo Trần Văn D cũng là người khởi xướng, chỉ huy việc thực hiện tội phạm. Bị cáo Lương Việt D1 là người thực hành tích cực, dưới sự hướng dẫn của N và D, D1 là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã có sự bàn bạc, lên kế hoạch phạm tội và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo. Quá trình thực hiện tội phạm, các bị cáo có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau. Do đó, các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội có tổ chức" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lương Việt D1 có 01 tiền án: Ngày 31/3/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại Bản án số 26/2022/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 13/01/2023. Trong thời gian chưa được xóa án tích, vào ngày 16/9/2023 bị cáo lại thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, là hành vi phạm tội do cố ý, vì vậy bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn N2 có 01 tiền sự: Ngày 12/3/2023, bị Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 17/QĐ-XPHC bằng hình thức phạt tiền, với số tiền phạt là 350.000 đồng về hành vi "Đánh bạc trái phép". Bị cáo vẫn chưa chấp hành Quyết định xử phạt hành chính.

Về nhân thân: Ngày 19/7/2024, các bị cáo Triệu Văn N và Trần Văn D bị Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 05 năm và 4 năm

03 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/01/2024 theo Bản án số 43/2024/HS-ST. Ngoài ra, đối với bị cáo Triệu Văn N, ngày 20/7/2017 còn bị Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 217/QĐ-XPVPHC bằng hình thức phạt tiền, với số tiền phạt là 275.000 đồng về hành vi "Đánh bạc trái phép". Bị cáo N đã chấp hành xong quyết định xử phạt vào ngày 26/02/2018. Bị cáo Lương Việt D1 vào ngày 09/7/2018, bị Công an phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28/QĐ-XPVPHC bằng hình thức phạt tiền, với mức tiền phạt là 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy". Bị cáo D1 đã chấp hành xong quyết định xử phạt vào ngày 17/7/2018.

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng:

Cần xem xét cho các bị cáo vì trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tích cực tác động đến gia đình để bồi thường thiệt hại. Bị cáo Lương Việt D1 đã bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự, các bị cáo Triệu Văn N, Trần Văn D đã bồi thường một phần trách nhiệm dân sự cho bị hại. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Lương Việt D1 có ông nội và ông ngoại có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân, huy chương. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm. Xét, các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Các bị cáo Triệu Văn N và Trần Văn D đang chấp hành hình phạt tù tại Bản án số 43/2024/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Tiếp tục tạm giam đối với bị cáo Lương Việt D1 để đảm bảo việc thi hành án.

[7] Đối với ông Lý Văn T2: Sau khi thực hiện xong hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị H2, các bị cáo đưa số thóc chiếm đoạt được về cất giấu tại sân nhà của ông Lý Văn T2. Quá trình điều tra, không có căn cứ xác định ông T2 có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, không có cơ sở để xử lý đối với Lý Văn T2.

Đối với bà Lý Thị Q: Sau khi các bị cáo sang thóc từ xe ô tô tải biển kiểm soát 75H-017.42 qua xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 22H-001.12, bà Lý Thị Q là người dẫn xe ô tô đầu kéo đến sân nhà của ông Lý Văn T2. Quá trình điều tra, xác minh bà Q không có mặt tại địa phương. Tại phiên tòa, bà Q khai không biết gì về hành vi phạm tội của các bị cáo Triệu Văn N, Trần Văn D và Lương Việt D1, vì vậy, chưa có căn cứ để xem xét xử lý đối với Lý Thị Q.

Đối với ông Trần Văn H4 và ông Bùi Quang T1: Quá trình điều tra, xác định ông Trần Văn H4 và ông Bùi Quang T1 chỉ là tài xế được các bị cáo thuê vận chuyển thóc để lấy tiền công. Ngoài ra, ông H4, ông T1 không biết đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó không có căn cứ để xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với bà Lương Thị Ngọc C: Quá trình điều tra, xác định bà C chỉ là người môi giới xe vận chuyển và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can. Do đó không có căn cứ để xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại biên bản giải quyết dân sự ngày 20/7/2024 giữa đại diện gia đình các bị cáo là bà Triệu Thị N1, Hoàng Thị Q1, Lương Thị L2 với bị hại bà Trần Thị H2 và các biên bản làm việc với các bị cáo cũng như tại phiên tòa các bị cáo và bị hại đã thỏa thuận: Các bị cáo bồi thường toàn bộ giá trị thóc đã chiếm đoạt cho bị hại với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 100.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Triệu Văn N đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo Triệu Văn N còn phải bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Trần Văn D đã bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng, bị cáo Trần Văn D còn phải bồi thường cho bị hại số tiền 60.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Lương Việt D1 đã bồi thường xong 100.000.000 đồng cho bị hại. Vì vậy, cần công nhận thỏa thuận về bồi thường dân sự cho các bị cáo và bị hại. Bà Triệu Thị N1, Hoàng Thị Q1, Lương Thị L2 không yêu cầu các bị cáo hoàn trả tiền bồi thường nên không xem xét.

[9] Về vật chứng: 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, màu trắng, biển kiểm soát 22C-079.23 thuộc sở hữu của ông Trần Văn C1, là phương tiện mà các bị cáo sử dụng để di chuyển trong quá trình thực hiện hành vi lừa đảo; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu xanh, bên trong máy có gắn 01 thẻ sim với số thuê bao 0986358409 bị cáo Triệu Văn N sử dụng và 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, bên trong máy có gắn 01 thẻ sim với số thuê bao 0817072888 bị cáo Trần Văn D sử dụng đã được xử lý tại Bản án số 43/2024/HS-ST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế do các vật chứng này cũng là vật chứng của vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" xảy ra tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vì vậy không xem xét.

Đối với 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, bên trong có gắn 01 thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0396928265 của bị cáo Trần Văn D: Đây là điện thoại và thẻ sim mà D đưa cho D1 làm phương tiện liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội. D khai sau khi thực hiện hành vi lừa đảo, D đã bán điện thoại có gắn thẻ sim trên cho một người mua hàng rong (không xác định được danh tính) tại xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định truy tìm tang vật số 565/QĐ-TT ngày 01/11/2024 để truy tìm điện thoại có gắn thẻ sim trên phục vụ công tác điều tra vụ án. Tuy nhiên, đến nay việc truy tìm chưa có kết quả.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Lương Việt D1 áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Triệu Văn N, Trần Văn D áp dụng thêm khoản 1 Điều 56; Điều 55 Bộ luật Hình sự:

1. Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn N, Trần Văn D, Lương Việt D1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt:

- Bị cáo Triệu Văn N 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 05 (năm) năm tù tại bản án số 43/2024/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, buộc bị cáo Triệu Văn N phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/01/2024.

- Bị cáo Trần Văn D 05 (năm) năm tù, tổng hợp với hình phạt 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù tại bản án số 43/2024/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, buộc bị cáo Trần Văn D phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/01/2024.

- Bị cáo Lương Việt D1 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/6/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại: Các bị cáo Triệu Văn N, Trần Văn D, Lương Việt D1 phải bồi thường cho bị hại bà Trần Thị H2 số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Bị cáo Lương Việt D1 đã bồi thường xong 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Bị cáo Triệu Văn N đã bồi thường 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), bị cáo Triệu Văn N còn phải bồi thường cho bị hại Trần Thị H2 số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Bị cáo Trần Văn D đã bồi thường 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), bị cáo Trần Văn D còn phải bồi thường cho bị hại Trần Thị H2 số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Triệu Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Lương Việt D1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an huyện Hải Lăng;
- VKSND huyện Hải Lăng
- THADS huyện Hải Lăng;
- THAHS;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Võ Bùi Diệu Lương